

Bản án số: 770/2017/HS-PT
Ngày 14-11-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hồng Phúc;

Các Thẩm phán: Bà Vũ Minh Tuấn;

Ông Phùng Hải Hiệp.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hoài, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Bùi Ngọc Tân, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 14 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự Thụ lý số 596/2017/TLPT-HS ngày 15 tháng 8 năm 2017 đối với các bị cáo Kim Seong H và đồng phạm bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 184/2017/HSST ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

*** Bị cáo có kháng cáo (04):**

1. Trần Ngọc T, sinh năm 1975; nơi ĐKNKTT: Thôn C, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình; trú quán: Số X đường Q, Phường A, quận V, thành Phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: Lớp 07/12; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc M, con bà Nguyễn Thị B (đều đã chết); vợ là Lý Thị Thanh N, sinh năm 1972; có 03 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2012; tiền án tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 03/4/2016. Có mặt tại phiên tòa.

2. Kim Seong H, sinh năm 1982; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: số Y Chumdan Humansia, phường S, quận B, TP. G, tỉnh J, Hàn Quốc; Quốc tịch: Hàn Quốc; Số hộ chiếu: M; nghề nghiệp: Tự do; con ông Kim Jong R, con bà Lee Hyo S

(đã chết); anh, chị em ruột: có 02 chị em, bị cáo là thứ hai; tiền án tiền sự: Không.

+ Nhân thân: Ngày 20/02/1998 Trộm cắp tài sản; ngày 28/10/2014 Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đã đình chỉ truy tố.

+ Bị bắt tạm giam từ ngày 04/12/2015. Có mặt tại phiên tòa.

3. Yang Dong K, sinh năm 1962; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: quận S, TP. M, tỉnh J, Hàn Quốc; Quốc tịch: Hàn Quốc; Số hộ chiếu: M1; nghề nghiệp: Tự do; con ông Yang Woo S, con bà Kim Ki M (đều đã chết); vợ là Ku Y A, sinh năm 1967; có 02 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 1994; tiền án tiền sự: Không.

+ Nhân thân: Ngày 31/5/2000 Vi phạm luật tiêu chuẩn lao động bị phạt 05 triệu KRW; ngày 09/02/2001 Vi phạm luật tiêu chuẩn lao động bị phạt 300.000 KRW; ngày 12/8/2005 Vi phạm luật giao thông bị phạt 500.000 KRW; ngày 14/4/2008 Vi phạm luật giao thông bị phạt 01 triệu KRW.

Bị bắt tạm giam từ ngày 04/12/2015. Có mặt tại phiên tòa.

4. Kim Young Y, sinh năm 1975; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: phường J Wang, TP. S, tỉnh G, Hàn Quốc; Quốc tịch: Hàn Quốc; Số hộ chiếu: M2; nghề nghiệp: Tự do; con ông Kim Ik T (đã chết), con bà Shin Ok S; anh chị em: có 02 chị em, bị cáo là thứ 2; vợ là Jang Sang M, sinh năm 1974; có 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không.

+ Nhân thân: Ngày 06/8/2000 Vi phạm luật nghĩa vụ quân sự bị phạt 300.000 KRW; ngày 27/3/2003 Vi phạm luật kinh doanh tài chính tín dụng đặc thù, giả mạo, thay đổi hồ sơ điện tử bị phạt tù 08 tháng và phạt tiền.

Bị bắt tạm giam từ ngày 04/12/2015. Có mặt tại phiên tòa.

* **Người bào chữa:** Bà Nguyễn Thị Hằng N và bà Trần Thị N, là các Luật sư của Văn phòng luật sư H thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội bào chữa bảo vệ quyền lợi cho các bị cáo Kim Seong H, Yang Dong K và Kim Young Y. Có mặt tại phiên tòa.

* **Người phiên dịch tiếng Hàn Quốc:** Bà Nguyễn Hương G là Cử nhân ngoại ngữ; địa chỉ: quận Đ, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án này còn có 06 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không kháng cáo, không bị kháng nghị.

(Tại phiên tòa có sự tham dự của Lãnh sự quán Hàn Quốc tại Việt Nam).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Kim Seong H, sinh năm 1982, quốc tịch Hàn Quốc là đối tượng thường xuyên nhập cảnh vào Việt Nam để buôn bán. Khoảng tháng 9/2015, H quen biết Trần Ngọc T, sinh năm 1975 trú tại đường Q, Phường A, quận V, thành phố Hồ Chí Minh khi H sang Việt Nam để bán hàng điện tử. H và T đã bàn bạc về việc H sang Việt Nam để ghi và quẹt thẻ giả qua máy POS để chiếm đoạt tiền và thỏa thuận chia lợi nhuận. Thủy là người sẽ liên hệ người sử dụng máy POS tại Việt Nam thì được hưởng 50% số tiền thanh toán thành công. H về Hàn Quốc tìm hiểu cách thức ghi thẻ giả và quẹt thẻ giả trên máy POS.

Khoảng tháng 10/2015, thông qua An Young S, quốc tịch Hàn Quốc (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch), H quen biết Kim Young Y. H và Y bàn bạc về việc tìm mã thẻ tín dụng để sang Việt Nam thực hiện việc ghi thẻ Ngân hàng giả và quẹt thẻ giả qua máy POS để chiếm đoạt tiền. H và Yang Dong K bàn bạc về việc thực hiện ghi thẻ cần có máy tính và máy ghi thẻ giả. K có máy tính cá nhân rồi liên hệ mượn của Jun Dae S, quốc tịch Hàn Quốc (là bạn K hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) máy ghi thẻ. Y đến khu chợ Trung Quốc (China Town) tại tỉnh AnSam, Hàn Quốc. Y gặp được 02 người Trung Quốc tự giới thiệu một người có tài khoản Wechat là “Choi wa B” có các mã thẻ tín dụng với phí là 01 triệu Won (tương đương khoảng 20.000.000đ) và yêu cầu trả thêm 6% giá trị số tiền quẹt thẻ thành công. Sau đó H đã liên lạc qua Wechat với tài khoản “Choi wa B” để nhận mã thẻ và thỏa thuận sẽ chia lợi nhuận cho tài khoản “Choi wa B” là 30%, H và K được hưởng 10% còn Y được hưởng 10% tổng số tiền thanh toán thành công. Sau khi thỏa thuận tỷ lệ ăn chia thì H muốn làm luôn nhưng do có việc gia đình nên T hẹn nhóm H khoảng ngoài 20/11/2015 sẽ ra Hà Nội để thực hiện hành vi ghi và quẹt thẻ giả.

Sau khi bàn bạc và thống nhất với Kim Yeong H, T đã liên lạc với Phạm Hồng N, sinh năm 1976 trú tại Phòng Chung cư N, phường T, quận C, Hà Nội để nhờ Nam giúp T tìm cơ sở kinh doanh có sử dụng máy POS tại Hà Nội và thỏa thuận sẽ chia cho Nam 25% số tiền thanh toán thành công qua máy POS. N liên lạc với Vũ Thị T1, sinh năm 1987 trú tại huyện V, tỉnh Bắc Ninh là chủ quán “Ốc” để mượn máy POS của cửa hàng để quẹt thẻ, T1 đồng ý cho N mượn máy POS và thỏa thuận khi nào cần quẹt thẻ thì N qua cửa hàng lấy máy POS.

Ngày 23/11/2015, T cùng Nguyễn Phước K, sinh năm 1990 trú tại phường 4, thành phố M, tỉnh Cà Mau và Ngô Thị Thu Tr, sinh năm 1990 trú tại quận Ngô Quyền, Hải Phòng là bạn của H và K đi máy bay từ thành phố Hồ Chí Minh ra Hà Nội. Đến sân bay Nội Bài T đi xe bus đến khu vực đường Hai Bà Trưng,

quận Hoàn Kiếm, Hà Nội thì gọi N đến đón, đưa về khách sạn H ở phường T, quận B, thành phố Hà Nội còn PK và Tr ở lại sân bay để đón nhóm H. T điện thoại cho PK thông báo T đã thuê phòng 806 khách sạn H để nghỉ.

Khoảng 21h cùng ngày thì H mang theo 01 máy ghi thẻ YKL608 và 05 chiếc thẻ từ cùng với Yang Dong K mang theo 01 máy tính xách tay LG và 05 chiếc thẻ nhập cảnh vào Việt Nam qua cửa khẩu quốc tế Nội Bài. H và K gặp PK và Tr tại sân bay rồi đợi đến 22 giờ cùng ngày thì Y cũng nhập cảnh vào Việt Nam qua cửa khẩu quốc tế Nội Bài. Sau khi gặp nhau tất cả đi taxi về khách sạn H, H và K thuê phòng 602, Y thuê phòng 502, PK và Tr thuê phòng 601 khách sạn H.

Đến sáng ngày 24/11/2015, N liên lạc với T1 để mượn máy POS, T1 đồng ý cho mượn nên N nhờ Nguyễn Bảo K1, sinh năm 1988 trú tại L, quận H, Hà Nội (là bạn trước đây làm ở quán Ốc) đến cửa hàng Ốc tại phố N, quận H, Hà Nội gặp T1 để lấy máy POS của T1 đưa cho T tại quận B, Hà Nội. Sau khi nhận máy POS T mang máy lên phòng 602 gặp H, K và Y. Y đăng nhập tài khoản Wechat, tài khoản “Kim” mã ID: K2000 và nói chuyện với người có nick chat “Choi wa B” mã ID: A1905 “Choi wa B” đã gửi cho Y các mã thẻ số 538920000913877, 502123625230190, 52414001135602, 558720500000038, 540534000056180, 549035373924124, 524335639237220, 4870900410566475, 4870900410514905. H sử dụng các mã thẻ này ghi các dữ liệu lên các thẻ từ. Khi in được các dữ liệu vào thẻ thì H đưa thẻ cho T để T quẹt vào máy POS rút tiền. T thực hiện việc quẹt thẻ nhiều lần nhưng trong đó chỉ có 02 giao dịch thành công là: Thẻ số 4870900410566475 thanh toán thành công với số tiền 13.660.000đ và thẻ số 4870900410514905 thanh toán thành công với số tiền 8.500.000đ. Tổng cộng được 22.160.000đ. (Sau khi trừ chi phí Ngân hàng thì số tiền còn lại là 21.700.000đ được chuyển vào tài khoản số 1281000008453 tại Ngân hàng B của Vũ Thị T1). Khi quẹt thẻ thành công máy POS in ra 03 liên hóa đơn thanh toán thành công thì K là người ký vào bên chủ thẻ thanh toán. T gọi điện cho N, N gọi điện cho K1 đến chỗ T lấy máy POS và tập hóa đơn thanh toán thành công về đưa lại cho T1 và hẹn ngày 25/11/2015 tiếp tục mang máy POS đến quẹt thẻ để thanh toán.

Do thực hiện việc ghi thẻ qua máy ghi thẻ của K bị lỗi nên chiều tối ngày 24/11/2015, H liên hệ qua mạng xã hội “Wechat vpwos” Kim Young U, quốc tịch Hàn Quốc (hiện chưa xác định được nhân thân) đang ở Trung Quốc để mượn máy ghi thẻ, U đồng ý cho H mượn máy và gửi chuyển phát bưu kiện 01 máy ghi thẻ MSR609 từ Trung Quốc đến khách sạn H cho H. Do không biết

tiếng Việt và đang thuê phòng cùng khách sạn với PK nên H đã báo gửi đến địa chỉ nhận là khách sạn H, người nhận là PK có số điện thoại Q (H không bàn bạc với PK).

Ngày 25/11/2015, nhân viên bưu điện mang bưu kiện có 01 máy ghi thẻ từ đến khách sạn H gọi cho PK xuống lấy rồi đưa cho H. H, K, Y và T tiếp tục thực hiện việc ghi và quét thẻ giả qua máy POS nhiều lần nhưng không thành công, máy POS hiện báo lỗi bằng tiếng Anh nên H nhờ PK sang để dịch hộ sang tiếng Hàn Quốc.

Cùng ngày 25/11/2015, T1 đến ngân hàng B rút được số tiền là 21.700.000 đồng rồi đưa cho N 21.000.000 đồng, T1 giữ lại 700.000 đồng do N nợ T1 tiền ăn trước đó. N mang số tiền trên đến đưa cho T, T đưa lại cho N 4.800.000 đồng (tương đương 25%) tiền phí mà trước đó T đã thỏa thuận với N.

Ngày 26 và 27/11/2015, T liên lạc với N mượn máy POS, N liên lạc với K1. K1 đã mượn 01 máy POS của T1 và 01 máy POS của Dương Lệ H1, sinh năm 1984 trú tại quận T, Hà Nội là Giám đốc Công ty TNHH đầu tư công nghiệp và phát triển V thông qua Trần Thu V, sinh năm 1984 trú tại quận Hoàng Mai, Hà Nội. K1 mang 02 máy POS mượn được của T1 và Hoa đến khách sạn H đưa cho T. T cùng nhóm H tiếp tục thực hiện việc ghi và quét thẻ giả. Y nhận mã thẻ từ “Choi wa B” qua tài khoản Wechat rồi đưa cho K các mã thẻ trên để K thực hiện việc thi thẻ tín dụng giả. Sau khi ghi xong K đưa các thẻ giả trên cho T để quét. T sử dụng các thẻ tín dụng giả trên quét qua 02 máy POS trong đó có các giao dịch thanh toán thành công là:

- Máy POS của cửa hàng Ốc thanh toán thành công 04 giao dịch từ mã thẻ số 4101090005179255, 4037100302963621 với tổng số tiền thanh toán thành công là 118.550.000đ. Toàn bộ số tiền trên chưa báo biến động giao dịch có đến tài khoản của T1, do Ngân hàng B nghi ngờ là giao dịch gian lận cụ thể:

Số TT	Số thẻ	Ngân hàng phát hành	Quốc gia	Giờ/ Ngày	Số tiền (VNĐ)
1	4101090005179255	Citibank Korea Inc	Hàn Quốc	26/11/2015	20.000.000
				26/11/2015	18.550.000
				26/11/2015	40.000.000
2	4037100302963621	Robins Federal Credit Union	Mỹ	26/11/2015	40.000.000
Tổng					118.550.000

- Máy POS của Công ty TNHH đầu tư Công nghệ và phát triển V thanh toán thành công 10 giao dịch từ các mã thẻ số 4037100302963621, 4190024249769417, 5593095001269713, 4037100703372521, 4037100202996085, 4470112680014863 với tổng số tiền thanh toán thành công là 160.000.000đ. Toàn bộ số tiền trên chưa báo biến động giao dịch có đến tài khoản của Hoa, do Ngân hàng B nghi ngờ là giao dịch gian lận cụ thể:

Số TT	Số thẻ	Ngân hàng phát hành	Quốc gia	Giờ/ Ngày	Số tiền (VNĐ)
1	4037100302963621	Robins Federal Credit Union	Mỹ	26/11/2015	16.000.000
2	4190024249769417	U.S Bank National Association	Mỹ	27/11/2015	16.000.000
3	5593095001269713	Barclays Bank Delaware	Mỹ	27/11/2015	20.000.000
4	4037100703372521	Robins Federal Credit Union	Mỹ	27/11/2015	16.000.000
5	4037100202996085	Robins Federal Credit Union	Mỹ	27/11/2015	10.000.000
					16.000.000
					20.000.000
					10.000.000
					20.000.000
6	4470112680014863	The Bancorp Bank	Mỹ	27/11/2015	16.000.000
Tổng số tiền					160.000.000

Sau khi T quẹt thẻ giả qua máy POS thì máy in ra 02 liên hóa đơn thanh toán thành công thì K là người ký vào các hóa đơn đó. T liên lạc với N trả máy POS, N gọi điện cho K1 đến chỗ T lấy máy POS mang về trả cho Hoa và T1 và không thực hiện nữa. Sau đó Kim Seong H và Yang Dong K cùng với PK đi Hải phòng chơi còn Y ở lại khách sạn.

Ngày 01/12/2015, khi Dương Lệ H1 đến ngân hàng B chi nhánh Tây Hồ ở phường Q, quận B, Hà Nội để làm thủ tục rút tiền thì Cơ quan công an phát hiện và mời về trụ sở làm việc.

Ngày 04/12/2015, Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Hà Nội ra lệnh bắt khẩn cấp đối với Kim Seong H, Yang Dong K, Kim Young Y. Tại Cơ quan điều tra H, K, Y đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Đối với Trần Ngọc T sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã bỏ trốn. Ngày 03/4/2016, T đã đến PC52 - Công an thành phố Hồ Chí Minh đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Ngoài ra các bị cáo còn khai nhận trong thời gian từ ngày 24/11/2015 đến ngày 27/11/2015, các bị cáo còn nhận mã thẻ, ghi và quẹt thẻ qua máy POS của T1 và Hoa nhưng không thành công 30 giao dịch với tổng số tiền là 646.900.000đ. Đối với các giao dịch không thành công thì ngân hàng B không thu phí giao dịch.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã tạm giữ một số tài sản sau: Tạm giữ của Kim Seong H: 30 thẻ nhựa có khe thẻ từ; 01 thiết bị ghi thẻ từ, mã hiệu: YKL608, màu đen; 01 thiết bị ghi thẻ từ, mã hiệu: MSR609, màu trắng; 01 hộ chiếu số M48468121; 01 điện thoại Sam Sung đã qua sử dụng. Tạm giữ của Yang Dong K: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu LG; 01 điện thoại Samsung đã qua sử dụng; 01 hộ chiếu số M22858191. Tạm giữ của Kim Young Y: 01 điện thoại LG, Imei: 357056060440683; điện thoại LG đã qua sử dụng. Tạm giữ của Nguyễn Bảo K1: 01 máy POS, nhãn hiệu Ingenico IWL 220, siri: 15227WL23367560. Tạm giữ của Vũ Thị T1: 01 máy POS, nhãn hiệu Ingenico IWL 220, số serial:14104WL21652332. Tạm giữ của Dương Lệ H1: 01 liên giấy rút tiền mặt ngày 01/12/2015 của ngân hàng B, số tiền rút 144.000.000 đồng từ tài khoản số: 21210000331087. Tạm giữ của Phạm Hồng N 4.800.000đ. Tạm giữ của Vũ Thị T1 700.000đ.

Tại công văn số 679/B-TTT ngày 03/12/2015, Ngân hàng B trả lời: Trong số 30 thẻ ATM mà Cơ quan điều tra thu giữ, xác định có 05 thẻ giả; 16 thẻ không phải do ngân hàng phát hành, không xác định là thẻ giả; 09 thẻ không có căn cứ xác để xác định.

Đối với các thẻ mà Ngân hàng B kết luận tình trạng thẻ là “không xác định” là do Ngân hàng B chưa có tài liệu, căn cứ để xác định đó có phải là thẻ thật hay không.

Tại công văn số 697 ngày 03/12/2015 Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam cung cấp: Ngày 29/01/2015, Ngân hàng B chi nhánh Tây Hồ đã ký hợp đồng chấp nhận thanh toán các thẻ thanh toán quốc tế như thẻ ghi nợ nội địa B, thẻ ghi nợ nội địa trong liên minh Banknetvn, thẻ Visa, thẻ Master, thẻ Unionpay, thẻ JCB với nhà hàng Ốc thuộc công ty cổ phần XNK A do Trần

Quang T3 làm giám đốc có địa chỉ tại phường H, quận H, Hà Nội... Nhà hàng Ốc phải trả phí dịch vụ cho mỗi giao dịch thành công theo quy định tương ứng với từng loại thẻ trên là 0,3%, 1,6%, 1,6%, 2,0%, số tài khoản giao dịch tại ngân hàng B 12819999984253 các thông báo biến động giao dịch tài khoản thì ngân hàng B đều tự động nhắn vào số điện thoại 0988845563 của Vũ Thị T1.

Ngày 25/11/2015, Ngân hàng B chi nhánh Tây Hồ đã ký hợp đồng chấp nhận thanh toán các thẻ thanh toán như thẻ ghi nợ nội địa B, thẻ ghi nợ nội địa trong liên minh Banknetvn, thẻ Visa, thẻ Master, thẻ Unionpay, thẻ JCB với Công ty TNHH đầu tư công nghiệp và phát triển V do Dương Lệ H1 làm giám đốc có địa chỉ tại đường L, quận T, Hà Nội. Công ty phải trả phí dịch vụ cho mỗi giao dịch thành công theo quy định tương ứng với từng loại thẻ trên là 0,3%, 1,6%, 1,6%, 2,0%, số tài khoản giao dịch tại ngân hàng là 21210000331087 các thông báo biến động giao dịch tài khoản thì ngân hàng B đều tự động nhắn vào số điện thoại 0943084356 của Dương Lệ H1.

Tại Công văn số 679/CV ngày 03/12/2015 và Công văn số 292/CV ngày 30/6/2016, Ngân hàng B cung cấp:

Tổng số giao dịch thành công tại đơn vị chấp nhận thẻ của Công ty TNHH đầu tư công nghiệp và phát triển V là 10 giao dịch trong các ngày 26,27/11/2015 với tổng số tiền là 160.000.000đ.

Tổng số giao dịch thành công tại đơn vị chấp nhận thẻ của nhà hàng Ốc thuộc công ty cổ phần xuất nhập khẩu A là 06 giao dịch trong các ngày 24,26/11/2015 với tổng số tiền là 140.710.000đ.

Tổng số giao dịch thanh toán không thành công tại 02 đơn vị chấp nhận thẻ là 30 giao dịch, với tổng số tiền là 646.900.000đ. Đối với các giao dịch không thành công thì ngân hàng B không thu phí giao dịch.

Đối với các thông tin về tên chủ thẻ: Các giao dịch phát sinh tại công ty TNHH đầu tư công nghiệp và phát triển V và nhà hàng Ốc thuộc công ty cổ phần A đều là thẻ của Ngân hàng Mỹ, Hàn Quốc phát hành. Vì vậy ngân hàng B không có thông tin về tên chủ thẻ.

Đối với số tiền 21.761.120đ mà các đối tượng đã chiếm đoạt thuộc số tiền của các giao dịch có thông báo hoặc tra soát với lý do gian lận của Tổ chức thẻ, ngân hàng phát hành thẻ. Trước đó Ngân hàng B đã hạch toán ghi có số tiền này vào tài khoản của đơn vị chấp nhận thẻ. Do đó Cơ quan điều tra có thể xem xét chuyển lại Ngân hàng B với tư cách là ngân hàng thanh toán để xử lý tra soát khiếu nại.

Hồi 19h ngày 02/12/2015, Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra máy tính xách tay đã thu giữ của Yang Dong K. Tài khoản Wechat của Kim Young Y với tài khoản “take your time” của Yang Dong K thu giữ được nội dung cuộc nói chuyện và các mã thẻ mà Kim Young Y gửi Yang Dong K sau đó thực hiện việc ghi thẻ và quẹt thẻ qua máy POS cụ thể:

Số TT	Mã thẻ	Thời gian nhận mã thẻ	Số tiền giao dịch(đồng)	Thời gian giao dịch	Ghi chú
1	4599031004169359	11: 18; 27/11/2015	Không	Không	Không
2	5593095001269713	11: 21; 27/11/2015	20.000.000	27/11/2015	Thành công
3	5593090002767112	11: 24; 27/11/2015	Không	Không	Không
4	4470112680014863	11: 24; 27/11/2015	16.000.000	27/11/2015	Thành công
5	4470110386056881	10:57; 27/11/2015	Không	Không	Không
6	5593090002767112	11: 01; 27/11/2015	Không	Không	Không
7	4037100202996085	11: 32; 27/11/2015	20.000.000	27/11/2015	Thành công
			10.000.000	27/11/2015	Thành công
			20.000.000	27/11/2015	Thành công
			16.000.000	27/11/2015	Thành công
			10.000.000	27/11/2015	Thành công
8	4037100703372521	11: 37; 27/11/2015	Không	Không	Không
9	4470112680014863	11: 37; 27/11/2015	Không	Không	Không
10	5457120988902139	12: 16; 27/11/2015	Không	Không	Không
11	4470113010011975	12: 21; 27/11/2015	Không	Không	Không
12	5388032230400370	12: 29; 27/11/2015	Không	Không	Không
13	5438050244435810	12: 35; 27/11/2015	Không	Không	Không
14	5438058044945847	12: 35; 27/11/2015	Không	Không	Không
15	5521032210104818	12: 40; 27/11/2015	Không	Không	Không
16	4060955971673813	12: 45; 27/11/2015	Không	Không	Không
17	4060956651765341	12: 45; 27/11/2015	Không	Không	Không
18	4190024249769417	12: 45; 27/11/2015	16.000.000	27/11/2015	Thành công
19	4003449335728604	12: 59; 27/11/2015	Không	Không	Không
20	4003449978982674	12: 59; 27/11/2015	Không	Không	Không
21	4748430025331842	13: 14; 27/11/2015	Không	Không	Không

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã tạm giữ 16 hóa đơn thanh toán quẹt thẻ qua máy POS của Dương Lệ H1 và Vũ Thị T1 và 02 liên tổng kết. Yang Dong K đã ký xác nhận là người thực hiện việc ghi các mã thẻ và thực hiện các giao dịch thành công vào các ngày 24,26,27/11/2015 với tổng số tiền thanh toán thành công là 300.710.000đ.

Đối với các đối tượng An Young S, Jun Dae S, Kim Young Un, quốc tịch Hàn Quốc, người sử dụng tài khoản “Choi wa B ” quốc tịch Trung Quốc. Bị can Kim Young Y, Kim Seong H, Yang Dong K đều khai không biết địa chỉ cụ thể và quen biết qua mạng xã hội Wechat nên Cơ quan điều tra không xác minh làm rõ được. Nên ngày 23/11/2016, Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Hà Nội đã ra quyết định tách vụ án hình sự, tách hành vi của các đối tượng An Young S, Jun Dae S, Kim Young Un và người sử dụng tài khoản “Choi wa B ” khi nào có thông tin sẽ điều tra về hành vi Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Cơ quan điều tra đã ra quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án.

Quá trình điều tra Trần Ngọc T khai nhận, T nhờ Phạm Hồng N tìm cơ sở kinh doanh có máy POS để liên hệ mượn máy POS để quẹt thẻ, T thỏa thuận chia cho N 25% tổng số tiền thanh toán thành công. N đã liên hệ mượn máy POS của Vũ Thị T1, Trần Thu V, Dương Lệ H1 rồi nhờ Nguyễn Bảo K1 mang đến khách sạn H đưa cho T để quẹt thẻ trong các ngày 24, 25, 26/11/2015. Ngày 25/11/2015, T và người Hàn Quốc đã quẹt thẻ thành công được 21.000.000đ, T đã trả cho N 4.800.000đ. Quá trình điều tra Phạm Hồng N khai không tham gia vào việc ghi thẻ và quẹt thẻ giả, không trực tiếp cầm thẻ quẹt lần nào và không biết nhóm T đã dùng thẻ giả để quẹt qua máy POS để chiếm đoạt tiền của người khác, cho nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với Nguyễn Bảo K1, Vũ Thị T1, Trần Thu V và Dương Lệ H1 khai, do có quan hệ với Phạm Hồng N từ trước nên khi N đặt vấn đề mượn máy POS thì Vân, T1 và Hoa đã đồng ý cho N mượn sau đó N nhờ K1 đến lấy máy POS mang đến khách sạn H đưa cho Trần Ngọc T. T đã quẹt thẻ thanh toán trong các ngày 24, 25, 26, 27/11/2015. Khánh, T1, Vân và Hoa không thực hiện việc ghi thẻ và quẹt thẻ giả trên máy POS. Không biết T, Y, H và K thực hiện việc ghi và quẹt thẻ giả trên máy POS. Khánh, T1, Vân và Hoa không biết nguồn gốc số tiền thanh toán thành công trên máy POS là thẻ giả nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với Nguyễn Phước K là người phiên dịch cho Kim Seong H, Kim Young Y và Yang Dong K. Kết quả điều tra cho thấy, Nguyễn Phước K không

thực hiện và không biết việc ghi thẻ và quẹt thẻ giả trên máy POS của Y, K, H và T như thế nào. PK không được hưởng lợi gì từ việc ghi và quẹt thẻ giả thanh toán qua máy POS để chiếm đoạt tiền của người khác nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với 30 chiếc thẻ Cơ quan điều tra đã thu giữ của Kim Seong H và Yang Dong K. H khai mang theo 05 chiếc thẻ, K mang theo 05 chiếc thẻ. Những chiếc thẻ trên là của các cửa hàng ăn, siêu thị tại Hàn Quốc tặng khách hàng khi đến mua hàng. Số thẻ còn lại do Kim Young Un gửi cho H cùng máy ghi thẻ ngày 25/11/2015.

Trần Ngọc T khai số tiền 21.000.000đ đã nhận từ N là số tiền thanh toán thành công ngày 24/11/2015. T đã chia cho N 4.800.000đ còn 16.200.000đ, T đã đưa cho Kim Seong H. H khai chưa được nhận số tiền trên và trước khi H cùng K đi Hải Phòng thì T đã đưa 10.000.000đ cho Huyn tại phòng 602 khách sạn Hải N. Ngoài lời khai của T ra không có tài liệu nào chứng minh T đã đưa số tiền 16.200.000đ cho H.

Ngày 26/07/2016, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng số 181 trao trả 02 máy POS và số tiền 5.500.000đ cho chị Nguyễn Thị Minh N (Đại diện ngân hàng B được ủy quyền).

Về TNDS: Đại diện ngân hàng B yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả số tiền 21.760.120đ để Ngân hàng hoàn trả cho Ngân hàng phát hành thẻ. Đề nghị xử lý nghiêm các bị cáo trước pháp luật.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 184/2017/HSST ngày 21/6/2017, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội áp dụng điểm a khoản 3 Điều 226b; điểm p khoản 1,2 điều 46; điều 32 (đối với các bị cáo Kim Seong H, Yang Dong K, Kim Young Y) Bộ luật hình sự, xử phạt Trần Ngọc T 08 (Tám) năm tù, Kim Seong H 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù, Yang Dong K 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù, Kim Young Y 07 (Bảy) năm tù về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về hình phạt bổ sung đối với bị cáo Kim Seong H, Yang Dong K, Kim Young Y sau khi mãn hạn tù; xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/6/2017 bị cáo Trần Ngọc T kháng cáo; ngày 05/7/2017 các bị cáo Kim Seong H, Yang Dong K và Kim Young Y kháng cáo. Nội dung đơn kháng cáo của các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm thẩm tra công khai tại phiên tòa; lời khai của các bị cáo, quan điểm bào chữa của các luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị cáo và đặc biệt căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ đã thu thập trong quá trình điều tra vụ án, cũng như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm cũng như ở phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Trần Ngọc T, Kim Seong H, Yang Dong K và Kim Young Y cơ bản khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã tóm tắt ở trên. Lời khai của bị cáo tại các phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp lời khai của những người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu cơ quan điều tra đã thu thập...cho nên Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ căn cứ khẳng định:

Khoảng tháng 9/2015, Kim Seong H quen biết Trần Ngọc T khi sang Việt N để bán hàng điện tử. Kim Seong Huyn và Trần Ngọc T đã bàn bạc về việc Kim Seong H sẽ sang Việt Nam để ghi và quẹt thẻ giả qua máy POS để chiếm đoạt tiền và thỏa thuận chia lợi nhuận. Theo đó Trần Ngọc T là người sẽ liên hệ người sử dụng máy POS tại Việt Nam thì được hưởng 50% số tiền thanh toán thành công. Kim Seong H về Hàn Quốc bàn bạc với Yang Dong K và Kim Young Y, đồng thời tìm hiểu cách thức ghi thẻ giả và quẹt thẻ giả trên máy POS, sau đó trở lại Việt Nam cùng Trần Ngọc T thực hiện việc chiếm đoạt tài sản như đã bàn bạc.

Sau khi bàn bạc và thống nhất với các bị cáo Kim Seong H, Yang Dong K và Kim Young Y, Trần Ngọc T đã liên lạc với Phạm Hồng N nhờ Phạm Hồng N giúp T tìm cơ sở kinh doanh sử dụng máy POS tại Hà Nội và sẽ chia cho N 25% số tiền thanh toán thành công qua máy POS. Phạm Hồng N đã liên hệ với Vũ Thị T1 là chủ quán “Ốc” để mượn máy POS của cửa hàng này để quẹt thẻ.

Từ ngày 24/11/2015 đến ngày 27/11/2015, các bị cáo Trần Ngọc T, Kim Seong H, Yang Dong K và Kim Young Y đã quẹt thẻ 16 giao dịch thành công qua máy POS. Tổng số giao dịch thành công tại đơn vị chấp nhận thẻ của Công ty TNHH Đầu tư Công nghiệp và Phát triển V là 10 giao dịch (trong các ngày 26 và 27/11/2015) với tổng số tiền là 160.000.000 đồng. Tổng số giao dịch thành công tại đơn vị chấp nhận thẻ của “Nhà hàng Ốc” thuộc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu A là 06 giao dịch (trong các ngày 24 và 26/11/2015) với tổng số tiền là 140.710.000 đồng. Sau khi quẹt thẻ thành công máy POS in ra 02 liên

hóa đơn thanh toán thì Yang Dong K là người ký vào toàn bộ các hóa đơn đó rồi Trần Ngọc T đưa lại máy POS và các liên hóa đơn trên cho Phạm Hồng N để mang về đưa cho Vũ Thị T1 và Dương Lệ H1.

Ngày 25/11/2015 Vũ Thị T1 đến ngân hàng B để rút số tiền 21.700.000 đồng, T1 giữ lại 700.000 đồng, đưa cho N 21.000.000 đồng. Phạm Hồng N mang số tiền trên đến đưa cho T. Trần Ngọc T đưa lại cho Phạm Hồng N 4.800.000 đồng.

Ngày 01/12/2015, khi Dương Lệ H1 đến ngân hàng B chi nhánh Tây Hồ ở số 47 Phan Đình Phùng, phường Quán Thánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội để làm thủ tục rút tiền thì bị Cơ quan điều tra phát hiện.

Như vậy, tựu chung lại, có đủ căn cứ xác định các bị cáo Trần Ngọc T, Kim Seong H, Yang Dong K và Kim Young Y đã bàn bạc nhau làm thẻ tín dụng giả quẹt qua máy POS và thực tế các bị cáo đã thực hiện quẹt thẻ giả thành công đối với 16 giao dịch với tổng số tiền 300.710.000 đồng, tuy nhiên, các bị cáo mới rút được số tiền 21.700.000 đồng thì đã bị phát hiện bắt giữ.

Với những hành vi chiếm đoạt tài sản nêu trên, các bị cáo Trần Ngọc T, Kim Seong H, Yang Dong K và Kim Young Y đã bị cấp sơ thẩm truy tố và xét xử về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 226b của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Về vai trò và tính chất nguy hiểm của hành vi của từng bị cáo: Trong vụ án này, bị cáo Trần Ngọc T là người quen biết, rồi bàn bạc với bị cáo Kim Seong H ngay từ đầu, sau đó Trần Ngọc T tỏ ra tích cực trong việc tổ chức đi lại, thuê khách sạn, rồi tìm kiếm công cụ phạm tội giúp cho Kim Seong H, Yang Dong K và Kim Young Y thực hiện việc chiếm đoạt tài sản. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm phân hóa và xác định Trần Ngọc T và Kim Seong H là các bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án là đúng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Đối với bị cáo Trần Ngọc T, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định bị cáo được áp dụng các tình tiết là: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo theo quy định tại Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử tiếp nhận được “Đơn xin xác nhận” của vợ bị cáo là Lý Thị Thanh N, theo nội dung xác nhận của Công an Phường A, quận V, Thành Phố Hồ Chí Minh thì sau khi

phạm tội Trần Ngọc T đã ra đầu thú tại Công an Thành Phố Hồ Chí Minh. Tình tiết này là tình tiết giảm nhẹ mới cho nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận và áp dụng theo quy định tại Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Đối với các bị cáo Kim Seong H, Yang Dong K và Kim Young Y: Khi áp dụng và quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét và cho rằng các bị cáo Kim Seong H, Yang Dong K và Kim Young Y đều khai báo thành khẩn và cũng đã xem xét đến nhân thân của các bị cáo, theo đó đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, luật sư bào chữa cho các bị cáo xuất trình tại phiên tòa các Biên lai thu tiền của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội, theo đó xác định các bị cáo Kim Seong H, Yang Dong K và Kim Young Y đã nộp toàn bộ số tiền phải bồi thường và tiền án phí theo quyết định của bản án sơ thẩm. Tình tiết này được Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận và áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Thêm nữa, các bị cáo phạm tội trong trường hợp đồng phạm và phạm tội chưa đạt cho nên Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng thêm quy định tại các Điều 18, 20 và 47 của Bộ luật Hình sự để phân hóa vai trò và giảm cho các bị cáo một phần hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Lãnh sự quán Hàn Quốc tại Việt Nam đề nghị được Hội đồng xét xử cho phát biểu, theo nội dung phát biểu thể hiện rất xấu hổ về việc làm của các bị cáo, tuy nhiên vị Lãnh sự quán Hàn Quốc tại Việt Nam cho rằng các bị cáo chấp hành hình phạt ở Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn, đặc biệt năm 2017 là năm kỷ niệm 25 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Hàn Quốc nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận giảm hình phạt cho các bị cáo.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng Hình sự,

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận kháng cáo và sửa bản án sơ thẩm;

Tuyên bố các bị cáo Trần Ngọc T, Kim Seong H, Yang Dong K và Kim

Young Y phạm tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 226b; Điểm p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 48, Điều 18, Điều 20, Điều 32; áp dụng thêm Điều 47 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Kim Seong H, Yang Dong K và Kim Young Y.

+ Xử phạt **Trần Ngọc T 07 (bảy) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 03/04/2016.

+ Xử phạt **Kim Seong H 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt 04/12/2015.

+ Xử phạt **Yang Dong K 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt 04/12/2015.

+ Xử phạt **Kim Young Y 05 (năm) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt 04/12/2015.

Hình phạt bổ sung: Trục xuất các bị cáo Kim Seong H, Yang Dong K và Kim Young Y phải rời khỏi lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngay sau khi mãn hạn tù.

Xác nhận các bị cáo Kim Seong H, Yang Dong K và Kim Young Y đã nộp tiền bồi thường và án phí (các Biên lai thu tiền Số AA/2015/0007741, Số AA/2015/0007742 và Số AA/2015/0007743 ngày 06/11/2017 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội).

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- CA TP Hà Nội;
- Cục THADS TP Hà Nội;
- Trại TGCA TP Hà Nội;
- Các bị cáo (gửi qua trại giam);
- Lưu HS(2), Phòng HCTP(2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Hồng Phúc